

# RỦI RO ĐIỀU CHỈNH VẪN CÒN

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường trong giai đoạn này khi vùng cân bằng chưa được xác lập.
<b>BÁN</b>	NDT duy trì trạng thái nắm giữ cổ phiếu nhưng lưu ý quản trị rủi ro cho các vị thế ngắn hạn trong danh mục nếu VN-Index giảm xuống dưới các vùng hỗ trợ 1.235-1.240 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

VGC

**THEO DÕI**

**↑ 9,03%**

**VND50.700**

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (7/1), khi số liệu kinh tế khả quan làm suy giảm khả năng Fed giảm lãi suất trong năm 2025.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index chốt phiên giao dịch ngày 07/01/2025 trong sắc xanh, nhưng số mã giảm chiếm áp đảo trên bảng điện tử. Nhóm cổ phiếu bất động sản, dệt may, dầu khí tiếp tục diễn biến kém tích cực khi áp lực bán chiếm ưu thế. Việc chỉ số VN-Index đóng cửa dưới vùng hỗ trợ được hội tụ bởi 2 đường MA200 và MA50 tương ứng vùng 1.250-1.260 điểm là một diễn biến không tích cực về mặt xu hướng ngắn hạn của thị trường. Nhà đầu tư nên tận dụng những phiên hiện tại để cơ cấu lại danh mục.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.528,36	-0,42	-0,04
S&P 500	5.909,03	-1,11	0,47
Nasdaq	19.489,68	-1,89	0,93
VIX	17,82	11,10	2,71
DAX	20.340,57	0,62	2,17
FTSE 100	8.245,28	-0,05	0,88
CAC40	7.489,35	0,59	1,47
Hang Seng	19.390,76	-0,29	-3,34

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	<b>SELL</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	41,07	<b>SELL</b>
MACD (12,26)	0,32	<b>NEUTRAL</b>
ADX (14)	13,40	<b>SELL</b>
SMA5	1.256,88	<b>SELL</b>
SMA20	1.263,80	<b>SELL</b>
SMA50	1.252,62	<b>SELL</b>
SMA100	1.263,21	<b>SELL</b>
SMA200	1.259,65	<b>SELL</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Báo cáo từ Viện Quản lý nguồn cung Mỹ (ISM) cho thấy lĩnh vực dịch vụ của Mỹ trong tháng 12 đạt mức tăng trưởng mạnh hơn dự báo. Số liệu này làm gia tăng mối lo về sự dai dẳng của lạm phát. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tiến sát mốc 4,7%, mức cao nhất kể từ tháng 4/2024.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 0,75 USD/thùng, tương đương tăng 0,98%, chốt ở mức 77,05 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York tăng 0,69 USD/thùng, tương đương tăng 0,94%, chốt ở 74,25 USD/thùng.
- Theo số liệu công bố tại Hội báo công bố số liệu kinh tế - xã hội quý 4 và năm 2024 sáng 6/1, Tổng cục Thống kê cho biết, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm trước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vừa công bố danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có đảm bảo lớn nhất trong quý 4/2024 bao gồm: VPS, SSI, TCBS, Vietcap, HSC, MBS, VNDirect, Mirae Asset, KIS VN và FPTS với tổng thị phần 66,2%.
- **DBC:** Dabaco Việt Nam công bố ước tính kết quả kinh doanh năm 2024 với lợi nhuận trước thuế đạt 857 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 770,15 tỷ đồng, vượt 5,5% so với kế hoạch lãi 730 tỷ đồng và tăng 29,8 lần so với thực hiện trong năm 2023.
- **ACB:** Ngân hàng TMCP Á Châu vừa phát đi thông cáo về kết quả kinh doanh năm 2024 với tỷ lệ ROE duy trì trên 20%, nằm trong nhóm có tỷ suất lợi nhuận cao trong ngành. Tính đến hết năm, dư nợ tín dụng của ACB đạt 581.000 tỷ đồng, tăng 19,1% so với đầu năm, vượt xa mức tăng trưởng trung bình ngành.
- **OIL:** Năm 2024, sản lượng kinh doanh xăng dầu của PV OIL đạt gần 5,6 triệu m<sup>3</sup>/tấn, hoàn thành 112% mục tiêu năm, tăng trưởng 6% so với cùng kỳ, chiếm 23% thị phần kinh doanh nội địa. Sản lượng bán lẻ kênh cửa hàng xăng dầu đạt 1,25 triệu m<sup>3</sup>, vượt 9% kế hoạch và tăng 15% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu toàn hệ thống đạt hơn 131.000 tỷ đồng năm 2024, hoàn thành 109% kế hoạch quản trị, tăng 19% so với cùng kỳ.
- **YEG:** Ngày 20/1 tới đây, Yeah1 sẽ chốt danh sách cổ đông chào bán thêm cổ phiếu tỷ lệ 100:40, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận quyền mua thêm 40 cổ phiếu mới với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ước tính, Yeah1 sẽ phát hành thêm 54,8 triệu cổ phiếu để huy động 548 tỷ đồng và thời gian đăng ký đặt mua, nộp tiền mua thêm cổ phiếu từ ngày 3/2 đến ngày 3/3/2025.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.648,21	-0,01	0,90
Dầu WTI	74,66	0,55	4,10
Dầu Brent	77,34	0,38	3,62
Than	118,30	-1,21	-5,55
Đồng	9.003,00	0,00	2,68
Quặng sắt	93,73	-3,27	-10,59
Thép	460,00	-0,86	-3,31

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,617	0,07	0,12
USD/JPY	158,02	0,02	-0,52
USD/CNY	7,3313	-0,05	-0,44
EUR/USD	1,0351	0,11	-0,03
GBP/USD	1,2482	0,04	-0,27

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	271,07	36.900	1,79
FPT	519,87	150.100	0,54
HPG	377,59	26.050	0,00
SSI	459,84	24.550	-1,41
DXG	181,40	14.500	-1,69

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	515.873,12	92.300	-0,65
BID	278.659,62	40.400	4,12
FPT	220.807,48	150.100	0,54
CTG	201.106,19	37.450	0,67
HPG	166.622,32	26.050	0,00

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# VGC

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

47.900

50.700

9,03%

45.000–46.500

<44.200

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong quý 4/2024, Tổng Công ty Viglacera ghi nhận tới 600 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, cao gấp 46 lần so cùng kỳ năm 2023. Đây cũng là quý có lợi nhuận cao nhất trong vòng 6 quý gần đây của tổng công ty này. **Tổng Công ty Viglacera** ước lãi trước thuế đạt 1.500 tỷ đồng, vượt 35% so với kế hoạch cả năm.
- Đối với lĩnh vực khu công nghiệp, Tổng Công ty Viglacera đang sở hữu và vận hành 15 khu công nghiệp trên cả nước với tổng diện tích khoảng 4.600 ha, trở thành một trong những nhà phát triển khu công nghiệp lớn nhất cả nước.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VGC là một trong những cổ phiếu có xu hướng khỏe trong ngắn hạn. Dòng tiền liên tục được cải thiện trong những phiên vừa qua. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu VGC, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 45.000–46.500 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	14.592	13.194	2.834
LNTT (tỷ đ)	2.305	1.602	334
LNST (tỷ đ)	1.913	1.162	234
Nợ/VCSH (%)	40	54	50
ROE (%)	23,49	15,75	7,09
ROA (%)	7,69	5,18	2,46
EPS (VNĐ)	3.854	2.717	1312,60
P/E (lần)	8,8	20,2	36,49
P/B (lần)	1,99	3,13	2,58

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	73,70	BUY
MACD (12,26)	1,11	BUY
ADX (14)	36,58	BUY
SMA5	46.770	BUY
SMA20	44.900	BUY
SMA50	43.170	BUY
SMA100	42.570	BUY
SMA200	46.640	BUY

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			-2,27%
2	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			-1,70%
3	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			-1,58%
4	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			-0,63%
5	SZC	Nắm giữ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			-0,83%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
8	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
9	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
10	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
11	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
12	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
13	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
14	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
15	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đưới 14	-12%
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Đưới 59	-6-5%
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-4-4%
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 267 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)